

Số: 233/QĐ-MNBD

Bình Dương, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Giảm tài sản do thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, tài sản công năm 2024 Trường Mầm non Bình Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON BÌNH DƯƠNG

Căn cứ luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144 /2017/TT-BTC ngày 29 /12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ công văn số 3839/UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Ủy Ban nhân dân Thị Xã Đông Triều về việc công khai tài sản công, tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của bộ phận cơ sở vật chất nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giảm tài sản công do thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ năm 2024 của trường Mầm non Bình Dương (Có danh mục thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.





DANH MỤC TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ ĐỀ NGHỊ THANH LÝ (ĐỊNH GIÁ THANH LÝ)

(Theo QĐ số 233/QĐ-MNBD ngày 01/8/2024 về việc công khai ghi giám đo thanh lý tài sản, CCDC)

DVT: đồng

TT	Tài sản cố định, CCDC	Năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá	Lũy kế hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
	Tổng cộng tài sản				155	463.961.799	463.961.799	0		
I	Máy tính để bàn				17	141.005.800	141.005.800	0		
1	Máy Kismart	2016	KISMART1	bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
2	Máy Kismart	2016	KISMART2	Bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
3	Máy Kismart	2016	KISMART3	Bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
4	Máy Kismart	2016	KISMART4	Bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
5	Máy Kismart	2016	KISMART5	Bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
6	Máy tính bàn phòng CM	2016	M V TINH	Bộ	1	7.500.000	7.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
7	Máy tính để bàn	2014	TSCD0016	Bộ	1	14.500.000	14.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
8	Máy tính để bàn	2012	MTT1	Bộ	6	45.000.000	45.000.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
9	Máy tính để bàn	2011	MVT3	Bộ	1	10.087.900	10.087.900	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
10	Máy tính để bàn	2011	TSCD0044	Bộ	1	10.087.900	10.087.900	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
11	Máy tính Đồng Nam Á	2015	MAY TINH DNA 2015	bộ	1	7.180.000	7.180.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
12	Máy chiếu vật thể 2015	2015	MAY CHIẾU	Cái	1	9.150.000	9.150.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
II	Máy tính xách tay				1	10.250.000	10.250.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
1	Máy tính xách tay	2012	MTXT2	Cái	1	10.250.000	10.250.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
III	Thiết bị âm thanh				1	7.300.000	7.300.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
1	Loa giảng dạy	2011	TSCD0033	Cái	1	7.300.000	7.300.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
IV	Thiết bị lọc nước				2	41.202.500	41.202.500	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
1	Máy lọc nước	2008	TSCD0038	Cái	1	29.865.000	29.865.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
2	Máy lọc nước	2010	TSCD0039	Cái	1	11.337.500	11.337.500	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
V	Ti vi, đầu video, thiết bị khác				6	107.809.999	107.809.999	0		
1	Màn hình LCD SHARP 60	2015	TSCD0035	Cái	1	26.730.000	26.730.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu

TT	Tài sản cố định, CCDC	Năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá	Lũy kế hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
2	Màn hình ti vi	2015	MÀN TI VI	Cái	1	12.500.000	12.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
v	Ti vi	2011	TSCD0054	Cái	1	11.299.999	11.299.999	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
4	Ti vi	2012	TSCD0055	Cái	1	12.750.000	12.750.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
	Màn hình LCD SHARP 60	2015	Màn hình BÚC LCD GIÁNG	cái	1	26.730.000	26.730.000		Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
	Bục giảng điện tử thông minh	2015		Cái	1	17.800.000	17.800.000		Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Thu hồi bán phế liệu
VI	Danh mục CCDC				128	156.393.500	156.393.500	0		
1	Bàn ghế vi tính	2010	CCDC05	Cái	1	1.500.000	1.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
2	Loa giảng dạy	2010	CCDC03	Cái	1	7.300.000	7.300.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
3	Giá đồ chơi 3 tầng	2008	TSCD0023	Cái	1	2.860.000	2.860.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
4	Giá đồ chơi 6 con thú	2007	TSCD0024	Cái	1	745.000	745.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
5	Giá đồ chơi chim vành khuyên	2008	TSCD0025	Cái	2	3.120.000	3.120.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
6	Giá đồ chơi con chim sẻ	2007	TSCD0026	Cái	1	888.000	888.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
7	Giá đồ chơi hình con gấu	2007	TSCD0027	Cái	1	745.000	745.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
8	Giá đồ chơi hình thang	2007	TSCD0028	Cái	1	1.220.000	1.220.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
9	Giá đồ chơi tai heo dài	2007	TSCD0029	Cái	1	745.000	745.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
10	Giá đựng hai khối	2008	TSCD0031	Cái	2	5.980.000	5.980.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
11	Giá sách cùn con	2008	TSCD0032	Cái	2	2.730.000	2.730.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
12	Tủ góc học toán	2008	TSCD0058	Cái	2	3.120.000	3.120.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
13	Tủ góc nghề thuật	2010	TSCD0059	Cái	1	1.324.000	1.324.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
14	Tủ hình con gà	2010	TSCD0061	Cái	3	2.655.000	2.655.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
15	Tủ hình con vịt	2010	TSCD0062	Cái	3	2.655.000	2.655.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
16	Tủ học toán	2010	TSCD0063	Cái	2	1.110.000	1.110.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
17	Bàn ghế mầm non	2010	TSCD0003	Cái	30	17.358.000	17.358.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
18	Bộ bàn ghế kidsmart	2012	TSCD0013	Bộ	5	16.000.000	16.000.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
19	Giá đựng đồ chơi	2010	TSCD0030	Cái	2	13.358.000	13.358.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
20	Tủ tư trang	2010	TSCD0064	Cái	3	17.244.000	17.244.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy
21	Bình chữa cháy	2015	TSCD0011	Bộ	1	5.880.000	5.880.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khác phục sửa chữa được	Hủy

TT	Tài sản cố định, CCDC	Năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá	Lũy kế hao mòn	Giá trị còn lại	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
22	Bàn ghế vi tính	2007	TSCD0005	Cái	1	9.000.000	9.000.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
23	bàn ghế vi tính	2010	TSCD0006	Cái	1	1.500.000	1.500.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
24	Bàn làm việc	2015	TSCD0007	Cái	1	5.200.000	5.200.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
25	Bàn Xuân Hòa	2007	TSCD0008	Cái	6	6.900.000	6.900.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
26	Bàn Xuân Hòa	2005	TSCD0009	Cái	1	645.500	645.500	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
27	Ghế học sinh mẫu giáo	2007	GHS	Cái	1	6.000.000	6.000.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
28	Ghế học sinh mẫu giáo	2007	TSCD0020	Cái	1	6.000.000	6.000.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
29	Ghế văn phòng	2007	GVP	Cái	24	5.880.000	5.880.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
30	Ghế văn phòng	2007	TSCD0021	Cái	24	5.880.000	5.880.000	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
31	Ghế văn phòng Xuân Hòa	2005	GVPXH	Cái	1	425.500	425.500	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy
32	Ghế văn phòng Xuân Hòa	2005	TSCD0022	Cái	1	425.500	425.500	0	Hết khấu hao, hỏng, lưu kho không khắc phục sửa chữa được	Hủy